

công tác phát triển đảng. Trong phong trào cách mạng của quần chúng xuất hiện nhiều người ưu tú, giác ngộ nhất giới thiệu với Đảng. Qua 3 đợt 19/5, 2/9 và 3/2 năm 1970 và 1971, toàn huyện đã kết nạp được 31 đảng viên lớp Hồ Chí Minh, trong đó có 88% là lao động tiên tiến, 12% là chiến sĩ thi đua.

Công tác tổ chức xây dựng Đảng tuy đã đạt được nhiều kết quả nhưng cũng còn một số tồn tại cơ bản như: nhận thức về 3 cuộc vận động, nhất là cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên trong Đảng bộ còn có những lệch lạc, chưa thấy hết yêu cầu của việc nâng cao chất lượng đảng viên là để thực hiện nhiệm vụ chính trị có hiệu quả, chưa đi vào quản lý, rèn luyện đảng viên một cách nghiêm túc, chưa xác định cho mỗi đảng viên thấy hết danh dự của mình để lấy uy tín với nhân dân, một bộ phận còn mắc tệ ăn uống không chính đáng, nợ nần dây dưa, hống hách, trù úm nhân dân. Tư tưởng ngại khó, hữu khuynh, tiêu cực, tùy tiện còn tồn tại trong một số cán bộ, đảng viên ở các chi, đảng bộ.

Thắng lợi của sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở địa phương đã tạo không khí phấn khởi trong Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ X khai mạc ngày 27/12, bế mạc ngày 31/12/1971. Đại hội đã đánh giá tổng quát tình hình năm 1971, nêu rõ những kết quả đạt được, những khuyết điểm, tồn tại và những bài học thiết thực, đồng thời đề ra phương hướng, mục tiêu phấn đấu năm 1972:

“Xây dựng Đảng bộ vững mạnh, liên tục phát động được cao trào cách mạng trong quần chúng tất cả sẵn sàng hướng ra tiền tuyến. Đẩy mạnh 3 cuộc cách mạng ở nông thôn, nắm

nước, làm đất và bảo vệ thực vật. Đội sản xuất tiến hành khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động.

Tiếp nhận chủ trương khoán sản phẩm, xã viên rất phấn khởi hăng hái thi đua lao động, sản xuất trên phần diện tích được giao. Vượt lên khó khăn về vật tư, phân bón, giống vốn, Đảng bộ đã động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân quyết tâm phấn đấu đẩy mạnh sản xuất. Nhìn chung, Chỉ thị 100 về cải tiến cơ chế khoán sản phẩm và mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm và người lao động đáp ứng được nguyện vọng của người nông dân, nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện từ khi thực hiện Chỉ thị 100 đã có nhiều khởi sắc. “Đã huy động được tiềm năng đất đai vào sản xuất, một số diện tích hoang hoá, bờ sông, bờ ngòi, thung đất dần được thu hẹp. Theo số liệu điều tra trên địa bàn huyện có gần 70 ha diện tích được khai thác, tận dụng; huy động được mọi sức lao động tham gia chăm sóc lúa, làm cỏ bón phân. Công tác thu hoạch được nhanh gọn, nhất là vấn đề tận thu, hiện tượng lãng phí giảm hẳn”. Báo cáo thực hiện Chỉ thị 100-BC/HU. Qua thống kê ở 21 hợp tác xã, năng suất, sản lượng đều tăng so với vụ chiêm xuân năm 1980. Nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước về lương thực đảm bảo 2700 tấn, vượt 3 % so với mức tỉnh giao. Mức ăn bình quân mỗi người từ 13 kg/ tháng lên 18 kg/tháng năm 1981, gần 20 kg năm 1982. Đời sống nhân dân được cải thiện, 70% số gia đình có nhà xây lợp ngói; bình quân 2,8 gia đình có 1 loa truyền thanh bán dẫn.

Các hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã quan tâm đầu tư trang thiết bị phục vụ sản xuất, đến năm 1981 đã được trang bị

171 động cơ nhỏ các loại và 271 máy các loại gồm 98 máy đập vò lúa, 96 máy bơm nước công suất 300m³/h, 277 máy nghiền thức ăn gia súc công suất 300kg/h, 60 máy xay sát 250kg/h. Nhìn chung, đã có tác dụng giải phóng lao động nặng nhọc, góp phần tăng năng suất lao động phục vụ sản xuất có hiệu quả với mức độ khác nhau.

Hệ thống trạm trại, xí nghiệp, trường lớp phục vụ sản xuất nông nghiệp được hình thành: trại lợn giống, trạm thú y, trại cá giống, trại bò trâu giống, công ty đại lý cung ứng vật tư, trạm quản lý thủy nông, đội công trình thủy lợi, đội công trình xây dựng, xí nghiệp gạch ngói, trường nông nghiệp đã được bàn giao phân cấp cho huyện quản lý. Nhiều ngành có trách nhiệm cao và hoạt động khá hơn trước, góp phần thúc đẩy sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện phát triển.

Sau một vụ sản xuất thực hiện khoán sản phẩm, Đảng bộ khẳng định khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm và người lao động đã huy động được tiềm năng đất đai, nhiều diện tích hoang hoá trước đây đều được khai thác đưa vào sản xuất. Tận dụng và huy động được sức lao động của nhiều đối tượng, nhờ đó thời vụ gieo cấy, chăm sóc, thu hoạch được đảm bảo nhanh gọn, giảm được từ 10 đến 15 ngày, không còn tình trạng đất để hoang, thóc để mọng như trước. Xã viên yên tâm phấn khởi nhận khoán, trên 90% số xã viên nhận khoán đều vượt mức năng suất, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào chính sách, gắn bó với đồng ruộng. Năng suất và sản lượng lúa đều vượt kế hoạch, lợi ích Nhà nước, tập thể, người lao động được đảm bảo. Bước đầu đã có tác dụng khuyến khích tăng năng suất lao động và đang tạo ra những động lực mạnh mẽ thúc

đẩy phát triển sản xuất và đưa công tác quản lý hợp tác xã vào quỹ đạo làm ăn có chất lượng và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Qua khoán sản phẩm cho thấy, khi quyền lợi của người lao động được đảm bảo thì trách nhiệm đối với sản phẩm cuối cùng cũng tăng lên. Đã phát huy được tính tích cực, tự giác của xã viên, lôi cuốn mọi người tăng thêm công sức, kể cả lao động phụ, tận dụng hết đất đai, phân bón, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cấy đúng kỹ thuật, kịp thời vụ, hơn 80% diện tích được cấy trong khung thời vụ tốt nhất, tiết kiệm được chi phí sản xuất, thu hoạch nhanh gọn, không còn tình trạng rơm thối, thóc mọng, đưa đến hiệu quả kinh tế cao hơn.

Tuy vậy, mô hình khoán mới bộc lộ một số nhược điểm: việc điều hành của hợp tác xã chưa chặt chẽ, gieo cấy không gọn vùng, gọn thửa, xã viên còn tùy tiện tự thay đổi giống, trên cùng một khu ruộng có đủ các chủng loại giống cao thấp khác nhau. Ai cũng có ruộng cao, ruộng thấp, ai cũng muốn làm trước nên tự ý chia ca, chia buổi làm kiệt sức trâu, nhiều công việc vẫn do xã viên tự làm lấy là chính, hợp tác xã không nắm được để chăm công và phân phối sản phẩm, dẫn đến khê đọng sản phẩm. Trình độ quản lý của cán bộ chưa theo kịp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới. Đây là vấn đề đòi hỏi Đảng bộ phải tập trung giải quyết để khắc phục trong quá trình thực hiện, bảo đảm thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động tổ chức lại sản xuất và cải tiến hợp tác xã, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động, Duy Tiên đã từng bước củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nông nghiệp. Quy mô hợp tác

xã được mở rộng hợp lý, nhưng quy mô đội sản xuất cơ bản ở nhiều nơi còn quá lớn, trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ đội có hạn, thực tế đã gây nhiều trở ngại cho việc điều hành quản lý và hạn chế kết quả kinh doanh của hợp tác xã. Quán triệt tinh thần Thông báo số 22 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, năm 1984 Duy Tiên đồng loạt sắp xếp bố trí lại quy mô đội sản xuất cơ bản từ 241 đội lên 365 đội với bình quân ruộng đất từ 15-30 ha và 40-60 lao động. Quy mô hợp tác xã giữ ổn định với hình thức toàn xã, với quy mô này các hợp tác xã đã giữ vững được hoạt động và đang từng bước trưởng thành tạo ra sức mạnh mới.

Quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III, Ngày 10/11/1982 Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Duy Tiên lần thứ XV được tiến hành nhằm thực hiện kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đảng bộ lần thứ XIV đánh giá những thành tích đã đạt được và những khuyết điểm tồn tại trong việc chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đề ra phương hướng nhiệm vụ nhiệm kỳ mới.

Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XV đã bầu 29 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, đồng chí Nguyễn Văn My được bầu làm Bí thư Huyện uỷ.

5 năm 1981-1985, Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên thực hiện nhiệm vụ chính trị trong tình hình có nhiều khó khăn, thiên tai liên tiếp xảy ra, có vụ ác liệt, gây tác hại nghiêm trọng cho sản xuất và đời sống; nền kinh tế nước ta vẫn đang còn mất cân đối lớn: khó khăn về năng lượng, vật tư, tiền vốn ngày càng lớn hơn; giá cả thị trường diễn biến phức tạp, trình

độ quản lý kinh tế xã hội, năng lực kinh doanh xã hội chủ nghĩa của cán bộ đảng viên còn hạn chế.

Song cũng là thời kỳ có những thuận lợi cơ bản: có Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ V, các Chỉ thị, Nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ III. Được sự lãnh đạo chỉ đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh, sự giúp đỡ của các ban, ngành cấp trên, cơ sở vật chất được tăng cường, tạo điều kiện cho việc phát triển kinh tế xã hội. Đảng bộ và nhân dân huyện Duy Tiên đã vượt qua mọi khó khăn vững bước đi lên, tạo ra những chuyển biến quan trọng trên tất cả các lĩnh vực hoạt động.

Trong nông nghiệp, quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ V của Đảng, coi “ Nông nghiệp là mặt trận hàng đầu – lương thực là mũi nhọn”, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã dồn sức tập trung thâm canh cây lúa, nhờ vậy mà huyện đã vượt qua khó khăn về thiên tai, thiếu thốn vật tư, nguyên liệu... đạt đỉnh cao về diện tích, sản lượng, năng suất. Diện tích gieo trồng bình quân 3 năm 1983-1985 đạt 10.702 ha tăng 5% so với 3 năm trước. Tổng sản lượng lương thực bình quân 3 năm 1983-1985 đạt 40.096 tấn tăng 8%. Lương thực bình quân đầu người đạt 365kg, tăng 2,2%, so với 3 năm trước. Năng suất bình quân đạt 55,16 tạ/ha tăng 8,86 tạ/ha. Vụ lúa chiêm xuân năm 1983 đạt 44,05 tạ/ha là vụ lúa có năng suất cao nhất so với trước đó. 100% hợp tác xã đạt từ 5 tấn/ha trở lên. Hợp tác xã Châu Giang và Mộc Nam là hội viên câu lạc bộ 10 tấn của cả nước. Tiên Nội, Yên Bắc là những hợp tác xã dẫn đầu về thâm canh lúa đạt năng suất cao. Tiên Ngoại, Hoàng Đông,

Yên Nam có bước tiến bộ nhanh, từ năng suất thấp vươn lên đạt năng suất khá. Sản xuất cây màu năm 1985, có bước chuyển biến mạnh, đạt 8000 tấn, là năm có sản lượng màu cao nhất so với trước đó.

Để đạt được thành quả đó, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã phải đổ nhiều mồ hôi công sức chống chọi với thiên tai khắc nghiệt. Năm 1984, là năm thiên tai liên tiếp xảy ra ở cả 2 vụ chiêm, mùa. Vụ chiêm xuân rét đậm kéo dài làm chết tới 23% diện tích mạ, giữa vụ hạn nặng, sâu bệnh phá hoại lúa đang làm đòng, cuối vụ mưa lớn làm ngập phần lớn diện tích lúa vào mẩy, làm giảm năng suất rất nặng nề. Bước vào vụ mùa bị mưa lớn, giữa vụ hạn nặng, lúc thu hoạch gặp mưa lớn tới 357 ly trong 4 ngày liền, gây thiệt hại nặng đến sản lượng và năng suất. Năng suất lúa cả năm chỉ đạt 52,68 tạ/ha, tổng sản lượng cả năm đạt 39,074 tấn đạt 92% kế hoạch.

Do việc bố trí cơ cấu thích hợp nên sản xuất cây công nghiệp có bước tiến bộ mới, đạt hiệu quả kinh tế ngày càng cao hơn, tạo ra được những sản phẩm mới. Diện tích cây công nghiệp tăng nhanh, năm 1984 có 853 ha, năm 1985, tăng lên 1233 ha. Một số loại cây phát triển khá, năm 1985, diện tích đay đạt 316 ha, năng suất bình quân đạt 22,1 tạ/ha tăng 5,2 tạ/ha so với những năm trước, sản lượng đạt 700 tấn tăng 25%; cây lạc năm 1982 mới có 1,6 ha, năm 1985 đạt 124 ha, năng suất bình quân 15,16 tạ/ha tăng 6%; diện tích sản lượng cây dâu vẫn ổn định. Phong trào trồng cây nhân dân phát triển khá, hàng năm bình quân trồng 600.000 cây.

Những cây xuất khẩu như cây sen, cây tỏi được huyện chú ý chỉ đạo, tăng nhanh về diện tích và sản lượng. Từng bước, tạo được phong trào người người, nhà nhà thi đua làm xuất khẩu. Mạnh dạn đi vào trồng cây xuất khẩu gần ngay có giá trị kinh tế cao. Các nông sản khác như long nhãn, hạt sen, cây dược liệu, cây ớt cũng được khai thác làm hàng xuất khẩu. Giá trị xuất khẩu ngày một tăng, năm 1980 đạt 3,7 triệu đồng, năm 1983 tăng lên 13 triệu (theo giá cố định năm 1983).

Ngành chăn nuôi nhìn chung được giữ vững và phát triển theo chiều sâu, đi vào thâm canh con vật nuôi, đặc biệt là con lợn, đàn lợn lai kinh tế tăng 25%. Bình quân 3 năm 1983-1985 so với bình quân 3 năm trước: Tổng đàn lợn đạt 28.914 con, trọng lượng xuất chuồng bình quân trên 60 kg/con, tăng 5kg/con; tổng sản lượng thịt hơi xuất chuồng 1497 tấn, tăng 56%; đàn trâu bò có 5.473 con, tăng 15%; chăn nuôi gia cầm phát triển mạnh, ngan, ngỗng tăng 60%, gà tăng 30%, vịt tăng 4%. Chăn nuôi gà công nghiệp bắt đầu phát triển ở khu vực kinh tế quốc doanh và tập thể, mở ra hướng đi mới cho ngành chăn nuôi của huyện. Nghề nuôi cá vẫn được giữ vững.

Những thắng lợi đạt được trong sản xuất nông nghiệp cơ bản là kết quả của việc tích cực thâm canh tăng vụ cây trồng và thâm canh con vật nuôi. Việc thực hiện công thức 3 vụ 4 cây; 4 vụ 5 cây của 2 hợp tác xã Châu Giang, Châu Sơn từng bước được áp dụng ở một số xã làm tăng hệ số sử dụng ruộng đất từ 1,6 lên 1,95 lần. Đảng bộ đã lãnh đạo chú trọng thâm canh toàn diện, thâm canh đến mức cao vụ chiêm xuân, tích cực cải tạo đồng ruộng bằng biện pháp thủy lợi kết hợp với cơ giới,

đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào đồng ruộng, tập trung vật tư và các điều kiện cần thiết khác cho nông nghiệp, chú trọng đúng mức các xã vùng trũng, nhờ đó tạo ra sự đồng đều khá hơn giữa các xã, các vùng. Thắng lợi trên đây giành được trong điều kiện, hoàn cảnh có nhiều khó khăn thử thách đã khẳng định phương hướng, bước đi đúng đắn, chí sáng tạo và lòng dũng cảm vượt bậc của Đảng bộ và nhân dân trên mặt trận sản xuất nông nghiệp.

Công tác xuất nhập khẩu có bước tiến bộ nhảy vọt về nhận thức, hành động và hiệu quả kinh tế. Huyện uỷ coi công tác xuất khẩu là mũi nhọn, là chìa khoá để cân đối kế hoạch và phát triển kinh tế của huyện, vì vậy công tác xuất khẩu được dồn sức tiến hành theo hai hướng chủ yếu: nông sản; nông sản chế biến và hàng thủ công mỹ nghệ. Huyện uỷ có Nghị quyết giành từ 10-15% diện tích canh tác để trồng cây xuất khẩu. Trong xuất khẩu lấy sản xuất chế biến tại chỗ là chủ yếu, kết hợp với thu mua hàng phân tán trong nhân dân. Tổng giá trị xuất khẩu bình quân ba năm 1983-1985 đạt 40,2 triệu đồng, tăng 400% so với bình quân 3 năm trước. Từ khi coi xuất khẩu là mũi nhọn, trên địa bàn huyện đã hình thành cơ cấu cây xuất khẩu và ngành hàng xuất khẩu. Ngành ngoại thương đã thực hiện kết hợp tốt giữa xuất khẩu với nhập khẩu, gắn bó chặt chẽ giữa xuất nhập khẩu với sản xuất nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, phát động được phong trào trồng cây và làm hàng xuất khẩu. Bằng con đường xuất khẩu, huyện đã từng bước tạo được sự cân đối tại chỗ giữa nguồn vốn và vật tư; đã khai thác ngoài kế hoạch một khối lượng phân bón hoá học, thuốc trừ

sâu, thuốc chữa bệnh, nguyên liệu sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hàng tiêu dùng tăng gấp 2 đến 3 lần so với trước.

Phương hướng giành diện tích trồng cây công nghiệp, cây xuất khẩu là bước đi đúng đắn của huyện, đã tạo được nguồn nguyên liệu tại chỗ cho tiểu thủ công nghiệp, tăng nguồn hàng xuất khẩu để tác động trở lại làm cho sản xuất nông nghiệp và tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Cơ sở vật chất kỹ thuật được tăng cường khá nhanh kể cả giá trị, quy mô và tốc độ. So với 3 năm trước vốn đầu tư vào xây dựng cơ bản tăng gấp 5 lần trong đó phần lớn là vốn tự có. Tài sản cố định trong khu vực sản xuất vật chất tăng gấp 3 lần.

Nhằm phục vụ tích cực sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ đã chỉ đạo tăng cường cải tạo sửa chữa và xây dựng thêm các công trình thuỷ lợi đầu mối. Năm 1982, vốn đầu tư xây dựng các công trình đầu mối, xây dựng 9 cầu, 1316 cống nạo vét 35 kênh mương cấp 1,2,3 tôn cao 12 km đê sông Hồng, sông Châu Giang, sông Nhuệ với trên 1 triệu m³ đất và bê tông. Riêng chiến dịch thuỷ lợi 1985, toàn huyện đã đào đắp được 400.000 m³ đất, tạo ra các vùng lúa ăn chắc của vụ mùa. Đến năm 1985, Duy Tiên đã xây dựng thêm 12 trạm bơm điện, tổng công suất lên 246.000m³/giờ, tăng 43.000m³/giờ so với năm 1983. Xây dựng 12 km đường dây điện phục vụ các trạm bơm. Công tác thuỷ lợi, phòng chống lụt bão được thử thách qua các trận mưa lớn năm 1984 và 1985, Đảng bộ và nhân dân Duy Tiên đã kiên cường tập trung sức tôn cao chống tràn 16 đoạn đê dài hơn 2 km, cắm cừ, áp trúc, chống dò dỉ, sạt lở để bảo vệ 81 km đê bao quanh huyện.

Để phục vụ nông nghiệp, huyện còn trang bị thêm 10 máy cày bừa, nâng tổng số máy cày của huyện lên 50 chiếc,

đảm bảo mỗi vụ có từ 60-70% diện tích canh tác được cày bừa bằng máy. 10/22 hợp tác xã nông nghiệp có trạm bơm điện. 6 xã có máy kéo và các phương tiện vận tải cơ giới. Bình quân giá trị tài sản cho 1 ha gieo trồng năm 1985 đạt 6390 đồng, tăng 3 lần so với năm 1982.

Ngành tiểu thủ công nghiệp Duy Tiên được tổ chức theo nhiều hình thức hợp tác xã thủ công nghiệp chuyên nghiệp, hợp tác xã nông nghiệp, xí nghiệp quốc doanh và lao động gia đình cá thể. Do có điều kiện về lao động, nguồn vật tư nguyên liệu phong phú nên các hợp tác xã nông nghiệp có tiềm năng phát triển tốt sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Đến năm 1984, Duy Tiên có 8 hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp, với trên 900 lao động, gồm các ngành nghề cơ khí chế tạo và sửa chữa, mây tre đan, hoá chất, nhựa, thuỷ tinh, dệt vải và lụa, may, thêu, kéo sợi len phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng. Các nghề dệt lụa, mây tre đan, thêu trắng là nghề cổ truyền có uy tín trong nước và xuất khẩu. Khu vực Đồng Văn tập trung 4 hợp tác xã còn lại ở các xã Lam Hạ, Tiên Tân, Mộc Nam. Các hợp tác xã hàng năm đều phấn đấu hoàn thành vượt mức chỉ tiêu kế hoạch được giao. Tổng số nguồn vốn tự có của 8 hợp tác xã đến hết năm 1983 là trên 13 triệu đồng, trong đó giá trị tài sản cố định có gần 6 triệu đồng. Các mặt tổ chức, quản lý phân phối thu nhập vẫn được duy trì củng cố, đa số hợp tác xã được cấp trên công nhận là đơn vị tiên tiến, không có đơn vị xếp loại yếu kém.

Ngoài 8 hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp, Duy Tiên còn có 20 hợp tác xã nông nghiệp đều tham gia sản xuất tiểu

công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp. Đầu năm 1984, số lao động tham gia sản xuất là 3654 người chiếm 10% tổng số lao động trong các hợp tác xã nông nghiệp. Sản xuất tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp trong các hợp tác xã nông nghiệp tập trung vào các ngành nghề dệt thảm đay, dệt bao tải, dệt vải, kéo sợi len, làm gạch ngói, ươm tơ tằm, làm đường, rượu cồn.

Các xí nghiệp quốc doanh như xí nghiệp gạch ngói, xí nghiệp 27/7 thương binh, đội công trình xây dựng...đóng trên địa bàn huyện cũng tham gia tích cực vào thực hiện kế hoạch sản xuất theo chỉ đạo của huyện.

Duy Tiên còn có 590 lao động cá thể sản xuất tiểu thủ công nghiệp trên khu vực ven đường giao thông, làm các mặt hàng dép lốp, hương trầm, may đo, bánh đa, miến dong, chữa xe đạp...phục vụ cho yêu cầu tiêu dùng và giao thông.

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, ngành cũng gặp nhiều khó khăn, nhiều mặt hàng được ký hợp đồng nhưng không được cấp vật tư nguyên liệu đồng bộ, kịp thời như than, sợi, sắt thép; các hợp tác xã thuê không ký được hợp đồng; hợp tác xã thảm đay Thăng Long phải ngừng dệt; năm 1983, điện chỉ được cấp 50% so với yêu cầu, lao động trẻ khỏe giảm không kịp thay thế; một số chính sách đối với thủ công nghiệp chưa được thực hiện đầy đủ như chính sách giá, bồi dưỡng độc hại, tiền bồi dưỡng ca ba.

Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, Huyện ủy Duy Tiên đã chỉ đạo ngành tiểu thủ công nghiệp phát triển sản xuất theo phương châm: phát huy tinh thần tự lực, tự cường, chủ động sáng tạo, tìm mọi nguồn nguyên liệu, vật tư thay thế,

xoay chuyển mặt hàng, bảo đảm sản xuất phát triển, bung ra đúng hướng, kiên quyết thực hiện vượt mức chỉ tiêu kế hoạch trong mọi tình huống, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng, xuất khẩu, sản xuất nông nghiệp, quốc phòng và các ngành kinh tế khác. Để thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao, ngành tiểu thủ công nghiệp đã liên tục phát động các phong trào thi đua lập thành tích chào mừng những ngày lễ lớn, tổng công kích hoàn thành vượt mức kế hoạch hàng năm, thi đua xây dựng tập thể xã hội chủ nghĩa. Các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp mở rộng thêm năng lực sản xuất để làm hàng xuất khẩu bằng các nguyên liệu địa phương, hợp tác xã Nha Xá làm hàng dệt lụa tơ tằm, hợp tác xã Thống Nhất củng cố nâng cao chất lượng hàng xuất khẩu mây đan. Đảng bộ đưa ra chủ trương từng bước đưa một số lao động khuyết tật vào làm hàng xuất khẩu, tạo điều kiện giải quyết khó khăn cho những đối tượng này.

Ngành tiểu thủ công nghiệp của huyện đã thực hiện đúng những quy định trong điều lệ ngành thủ công nghiệp Việt Nam, thực hiện dân chủ trong kiện toàn tổ chức, phân phối, tăng cường quản lý các mặt, nhất là lao động, vật tư, tiền vốn. Phân phối nội bộ đảm bảo ba lợi ích Nhà nước, tập thể và người lao động.

Cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ sản xuất tiểu thủ công nghiệp cũng được tăng lên nhanh chóng, ở khu vực chuyên nghiệp và quốc doanh nhiều ngành sản xuất được bổ sung thêm máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, xây dựng thêm nhà xưởng và đưa điện vào sản xuất. Xí nghiệp chế biến thực phẩm được xây dựng và hoạt động có hiệu quả. Cơ sở nuôi gà



Đại tướng Võ Nguyên Giáp và thân Duyệt năm 1982

công nghiệp được mở rộng và từng bước đưa xuống các hợp tác xã nông nghiệp. Một số hợp tác xã chú trọng củng cố những ngành nghề đã có, mua sắm thêm công cụ lao động, đầu tư vốn mở rộng và phát triển ngành mới làm tăng năng lực sản xuất. Trong 3 năm 1981-1983, các hợp tác xã thủ công nghiệp đã vay vốn ngân hàng và vốn tự có để đầu tư mở rộng trên 1000 m² nhà xưởng và mua trên 3 triệu đồng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất. Giá trị tài sản cố định toàn ngành năm 1985 là 13 triệu đồng, tăng gấp 2 lần so với năm 1982.

Các hợp tác xã coi trọng đào tạo tay nghề kỹ thuật cho cán bộ xã viên, tăng cường xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật để nâng cao năng xuất lao động. Các xí nghiệp, trạm, trại quốc doanh, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp có tiến bộ trong công tác quản lý, kết hợp với kinh doanh tổng hợp, vừa tăng được sản phẩm xã hội, vừa tăng được tích lũy để tái sản xuất mở rộng và cải thiện một bước đời sống cán bộ, công nhân viên. Trại nhân giống lợn cấp 2, xí nghiệp Chế biến thực phẩm là những đơn vị có bước trưởng thành nhanh, đạt hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Mặc dù khó khăn, nhưng được sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của cấp uỷ chính quyền, trong 5 năm 1981-1985, ngành tiểu thủ công nghiệp huyện đã giữ vững được sản xuất, đảm bảo việc làm cho người lao động, không ngừng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm. Điển hình là các hợp tác xã Phương Đông, Cơ khí, Lam Hạ, Đại Thành đã phấn đấu đạt năng suất và sản lượng cao, thu nhập của tập thể có sự cải thiện. Các sản phẩm lụa tơ tằm, vải chéo của Nha Xá, dép nhựa Phương Đông,

cày bừa của cơ khí, mây tre đan mỹ nghệ chất lượng ngày một tăng lên. Các mặt hàng mới như sơ len, đường, kẹo, bao tải, thảm đay, đúc gang đều đảm bảo quy cách và chất lượng. Hợp tác xã Châu Giang vẫn là đơn vị có giá trị cao nhất huyện về sản xuất thủ công nghiệp trong hợp tác xã nông nghiệp.

Tính chung toàn ngành trong các năm 1981-1983 có tốc độ tăng khá, cả trong lĩnh vực tập thể, quốc doanh, cá thể. Các hợp tác xã nông nghiệp năm 1983 tăng 145% so với năm 1980. Các hợp tác xã thủ công chuyên nghiệp năm 1983 tăng 199% so với năm 1980. Tổng giá trị sản lượng bình quân 3 năm 1983-1985 đạt 58.800.000 đồng, tăng gấp rưỡi so với 3 năm trước đó. Tốc độ tăng bình quân hàng năm của toàn ngành 10%. Năm 1985, ngành tiểu thủ công nghiệp được tặng cờ thi đua khá nhất trong tỉnh. Hợp tác xã Châu Giang có tỷ trọng tiểu thủ công nghiệp chiếm 38%, là hợp tác xã hình thành nhanh cơ cấu kinh tế nông – công nghiệp.

Từ kết quả đạt được, nhiều tập thể cá nhân đã đạt thành tích cao, được tặng thưởng những danh hiệu xứng đáng. Hợp tác xã Cơ khí Duy Tiên liên tục được công nhận là đơn vị lá cờ đầu của ngành tiểu thủ công nghiệp. Toàn ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp của huyện được xếp vào loại khá của tỉnh.

Tuy nhiên, ngành tiểu công nghiệp, thủ công nghiệp còn một số hạn chế, nhận thức về vị trí của công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp trong cán bộ đảng viên chưa đầy đủ, chưa thấy hết mối quan hệ giữa sản xuất nông nghiệp và sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vì vậy khối bán chuyên phát triển không đồng đều, thiếu ổn định.

Cơ sở vật chất kỹ thuật của ngành giao thông, vận tải được tăng cường. Một số tuyến đường giao thông liên xã được tu sửa. Từ năm 1983 đến năm 1985, huyện đã trang bị mới 947 tấn phương tiện cơ giới, trong đó có 5 tàu xà lan trọng tải 90-100 tấn, 8 ô tô vận tải; sửa chữa phục hồi 185 tấn phương tiện khác. Đã nâng năng lực vận tải của huyện lên 2840 tấn phương tiện, trong đó vận tải bằng cơ giới có 1232 tấn và 1658 tấn vận tải thô sơ gồm xe bò, xe ngựa và xe cải tiến, tăng gấp 8 lần so với năm 1982. Là một trong những huyện có tốc độ phát triển vận tải nhanh trong tỉnh. Khối lượng vận chuyển năm 1985 đạt 4.810.000 tấn/km hàng hoá, tăng 2 lần so với năm 1983.

Huyện đã dành nguồn vốn lớn cho rải đá đường 60A, sửa chữa cầu Hoà Mạc, duy tu và bảo dưỡng đường nông thôn, khai thác đá địa phương đưa vào sửa chữa mặt đường. Ngành giao thông vận tải đã tập trung cao độ đáp ứng kịp thời về sản xuất và đời sống

Trong công tác xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, Đảng bộ Duy Tiên đã tăng cường chỉ đạo đẩy mạnh xây dựng cơ sở vật chất các ngành kinh tế, văn hoá. Chú trọng tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật cho nông nghiệp. Mở rộng mạng lưới điện phục vụ sản xuất, chuyển 10 km đường dây tải điện cao thế từ 35 kw xuống 10 kw, mở thêm hơn 10 km đường dây tải điện hạ thế 6 kw xuống các cơ sở phục vụ trực tiếp việc chế biến thức ăn gia súc, xay sát, sửa chữa cơ khí truyền thanh và thắp sáng. Đồng thời tu bổ bờ vùng bờ thửa đường ra đồng. Bên cạnh đó huyện còn tập trung trang bị máy móc cơ khí nhỏ và công cụ cải tiến cho nông nghiệp

như máy tiện, máy đột dập, máy khoan, máy mài, phát điện, máy kéo lớn nhỏ, máy bơm nước, máy tuốt lúa, máy nghiền thức ăn gia súc, thuyền máy, xe cải tiến, bơm thuốc trừ sâu...đáp ứng một phần nhu cầu sản xuất.

Năm 1984, là năm có khối lượng và tốc độ xây dựng cơ bản cao nhất trong 5 năm 1981-1985. Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, tiến độ thi công nhà văn hoá huyện, kho ngoại thương, nhà mổ bệnh viện, nhà làm việc 2 tầng của Huyện uỷ và trường Đảng huyện được đẩy nhanh; xây dựng nhà mẫu giáo của trung tâm huyện. Những công trình thuỷ lợi như cụm trạm bơm Lạc Tràng, Duy Minh, được tiếp tục xây dựng

Công tác xây dựng cơ bản có quy mô lớn, tốc độ nhanh, đảm bảo chất lượng đã đánh dấu bước phát triển mới về năng lực tổ chức quản lý, thi công của ngành xây dựng. ở các xã, hàng loạt công trình phúc lợi như nhà văn hoá, trường học, trạm y tế, nhà nuôi dạy trẻ, hệ thống truyền thanh, đường dây điện, cầu cống cũng được sửa chữa, mở rộng, xây dựng thêm. Bằng vốn địa phương các xã Yên Bắc, Yên Nam, Tiên Nội, Tiên Ngoại đã xây dựng 4 nhà văn hoá xã với giá trị 3.400.000 đồng. Cùng với việc xây dựng nhà ở của nhân dân đã làm cho bộ mặt nông thôn Duy Tiên có nhiều đổi mới.

Quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa được giữ vững và có mặt phát triển. Quy mô các hợp tác xã ổn định, các hợp tác xã nông nghiệp qua thử thách khó khăn có thêm nhiều kinh nghiệm trong quản lý kinh tế và tổ chức sản xuất. Các hợp tác xã Yên Bắc, Tiên Nội, Tiên Ngoại sản xuất kinh doanh có nhiều tiến bộ, thu nhập của xã viên, tích lũy cho tập thể,

đóng góp với Nhà nước mỗi năm một tăng. Các hợp tác xã Hoàng Đông, Yên Nam có đà phát triển mạnh, trở thành những điển hình tích cực của huyện. Năm 1985, nhân dịp kỷ niệm 40 năm ngày thành lập nước (2/9/1945-2/9/1985), hợp tác xã nông nghiệp Châu Giang được Nhà nước tặng danh hiệu Anh hùng lao động.

Đóng góp nghĩa vụ lương thực, thực phẩm với Nhà nước ngày càng tăng, bình quân mỗi năm đạt 7653 tấn lương thực. Năm 1983, đóng góp lương thực cao nhất đạt 10.837 tấn, gấp 3 lần so với năm 1980. Bình quân mỗi năm đóng góp 580 tấn thịt lợn hơi, ngoài ra còn đóng góp hàng chục nghìn tấn mía cây, đay tơ, kén tằm...Hàng năm, Duy Tiên đóng góp nghĩa vụ với Nhà nước đều vượt từ 10-15% so với chỉ tiêu Đại hội khoá XV đề ra.

Việc ươm nhân, lai tạo cây con được áp dụng khá rộng rãi trong sản xuất. Đến năm 1982, Duy Tiên đã có bộ giống cây con tương đối ổn định, 70% diện tích được cấy bằng giống lúa có năng suất cao, giống lợn lai kinh tế chiếm trên 40% đàn lợn.

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật và quản lý kinh tế ngày càng được tăng cường và sử dụng đúng ngành nghề đào tạo, phát huy tốt năng lực chuyên môn. Năm 1982 toàn huyện có 434 cán bộ trung đại học do huyện quản lý và 300 cán bộ trung sơ cấp do hợp tác xã quản lý.

Hoạt động ngân hàng tài chính, lưu thông phân phối gặp nhiều khó khăn, hàng hoá thiếu, giá cả thị trường không ổn